

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 93 /2022/HSST
Ngày: 28- 12-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và ông Nguyễn Bá Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 86/2022/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình T, sinh năm: 1999;

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1974 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1975.

Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2022 đến ngày 23/12/2022 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Trương T, sinh năm: 2003

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn Th, xã T, huyện N, Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Con ông: Nguyễn Trương Đ, sinh năm 1974 và bà: Lê Thị Ph, sinh năm 1976.

Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2022 đến ngày 26/12/2022 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thế T, sinh năm 1999

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Lê Thế đã chết) và bà: Cao Thị Đ, sinh năm 1973.

Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2022 đến ngày 23/12/2022 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Đình C, sinh năm 1996;

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Lê Đình T, sinh năm 1970 và bà: Quản Thị Q, sinh năm 1971.

Có vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1998; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2022 đến ngày 23/12/2022 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh.

5. Lê Đình G, sinh năm 2001;

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Con ông: Lê Đình T, sinh năm 1970; Con bà: Quản Thị Q, sinh năm 1971.

Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2022 đến ngày 23/12/2022 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Lương Đình L, sinh năm 1992;

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Lương Đình H, sinh năm 1963 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1966.

Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2022 đến ngày 23/12/2022 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh.

7. Lê Đình D, sinh năm 1989;

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Lê Đình H, sinh năm 1963 và bà: Đình Thị L, sinh năm 1965.

Có vợ: Viên Thị T, sinh năm 1986; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo bản án số 07/2014/HSST. Đã thi hành xong hình phạt và nghĩa vụ dân sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Lê Ngọc Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa

Người làm chứng:

+ Anh Hoàng Ngọc V, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Lê Đình A, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 24/7/2022, Nguyễn Đình T ở Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đến nhà Lê Đình D, ở Thôn X, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa để chơi. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Trương T ở Thôn Th, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và Lê Thế T ở thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (đều là bạn của T) cũng đến nhà của D chơi. D mời T, T và Tuấn ở lại nhà của D để uống bia. D còn mời thêm Lê Đình C; Lê Đình G; Lương Đình L; Hoàng Văn Vinh, đều ở Thôn X, xã N, huyện S. Trong khi cả nhóm đang ăn uống thì Lê Ngọc Q, ở Thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa gọi điện video cho Nguyễn Đình T hẹn gặp tại quán karaoke Lương Kiều ở Thôn X, xã N, huyện S để giải quyết mâu thuẫn giữa T và bạn của Q là Nguyễn Bá T (Do trước đó, T nhắn tin cho Q đề nghị Q nói lại với Thực từ nay không được trêu chọc bạn gái của T là chị Đặng Thị G, ở thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn). Sau khi hẹn gặp T, Q gọi Nguyễn Bá T, Lê Đình A, Lê Đình Thủy, Lê Văn Quân, đều ở Thôn Th, xã T, huyện S đến điểm hẹn cùng mình. Còn Nguyễn Đình T, sau khi nói chuyện xong thì thông báo cho cả nhóm biết là sẽ đi gặp Q để nói chuyện, rồi lấy xe máy đi trước. Thấy vậy, Tuấn, T, L, G, D và Vinh đều đứng dậy để chuẩn bị đi theo T. Trước khi đi, Lê Đình C cầm 01 (một) vỏ chai bia trên tay và mang theo 02 (hai) vỏ chai bia để trong túi quần hai bên; Lê Đình D lấy 01 (một) gậy bi-a bằng gỗ tháo bỏ phần đầu, lấy phần chuôi gậy đưa cho T; Nguyễn Trương T bỏ 05 (năm) gậy bi-a vào một chiếc ống quần rồi buộc một đầu, T ngồi sau xe T để ôm 05 gậy bi-a. Sau đó, D, G, L, T và Tuấn trên hai xe máy theo ngay sau T, còn Chương đi bộ.

Nguyễn Đình T đến quán karaoke Lương Kiều để gặp Lê Ngọc Q thì thấy nhóm của Q đã có mặt. Tại đây, khi T đang nói chuyện với Thực thì dùng tay tát một cái vào mặt T. Sau đó, T cũng dùng tay nắm lại Q thì bị Lê Văn Quân dùng dao hai lưỡi bằng kim loại, một lưỡi sắc, một lưỡi răng cưa, chiều dài 20cm, lưỡi dao dài 10cm, phần rộng nhất lưỡi dao dài 1,7cm đâm về phía T, T giơ tay đỡ thì trúng vào ngón trỏ bàn tay trái. Cùng lúc này, nhóm bạn của T cũng đến nơi. Thấy T bị đánh, T, T, G mỗi người cầm một gậy bi-a lao về phía Q vụt liên tiếp nhiều cái vào vùng đầu và người anh Q. T cũng nhặt một đoạn gậy bi-a vụt

nhieu cái vào vùng đầu và người của Q. Q bỏ chạy sát vào bờ tường phía trước quán karaoke thì Lê Đình C cầm một vỏ chai bia ném về phía Q nhưng Q cúi đầu nên không trúng, vỏ chai đập vào tường vỡ rơi xuống dưới đất. Chường tiếp tục lấy một chai bia trong túi quần đập một cái vào đầu Q rồi vứt vỏ chai xuống đất. Lúc này, Q bỏ chạy ra bờ sông, Lương Đình L nhặt một gậy bi-a dưới đất lên và vụt vào người của Q, còn G cầm một gậy bi-a vụt vào vai của Q. Do bị nhiều người đánh nên Q bỏ chạy theo đường đất nổi từ quán karaoke lên đường Nghi Sơn – Sao Vàng, còn các đối tượng thu dọn gậy bi-a và đi về nhà D. Sau đó, Lê Ngọc Q được đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 17h30' ngày 24/7/2022 tại Thôn X, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, thể hiện: Hiện trường vụ án xảy ra tại quán karaoke Lương Kiều, Thôn X, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Quán karaoke nằm sát với đường bê-tông, có mặt trước hướng Đông Bắc, tiếp giáp với kênh Bắc và cánh đồng lúa; phía Tây tiếp giáp với ao cá và nhà của anh Lương Đình K; phía Nam tiếp giáp với ao cá và ruộng lúa đường Quốc lộ Nghi Sơn – Sao Vàng; phía Bắc tiếp giáp với nhà anh Lương Đình Đ.

Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ:

- Vị trí (1): Một con dao hai lưỡi bằng inox (dạng dao gọt hoa quả), có tổng chiều dài 20cm, phần lưỡi dao dài 10cm, bản rộng nhất là 1,7cm, có một phần lưỡi sắc và mặt lưỡi hình răng cưa, đầu mũi dao nhọn; phần cán hình tròn dạng ống dài 10cm có móc treo.
- Vị trí (2): Các mảnh vỡ thủy tinh màu nâu có các kích thước khác nhau, dạng chai bia “THANH HOA”.
- Vị trí (3): Vết chất màu nâu (nghi máu) dạng nhỏ giọt trên nền bê-tông, trong diện (10x1)cm.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể vào hồi 18h30' ngày 24/7/2022 tại bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn đối với Lê Ngọc Q, thể hiện:

- Vùng đỉnh phải có 03 vết thương rách da nham nhở, kích thước (04x01)cm; (03x01)cm; (02x01)cm, sâu sát xương;
- Vùng cằm phải có vết thương rách da, kích thước (02x0,3)cm, bờ gọn;
- Vùng bả vai có 02 vết sưng nề, bầm tím, kích thước (07x02)cm và (05x02)cm;
- Vùng lưng phải có 02 vết sưng nề, bầm tím, kích thước (08x02)cm và (04x02)cm;
- Vùng hông phải có 02 vết sưng nề, bầm tím, kích thước (11x02) cm và (08x03)cm.

Tại bệnh án mã YT: 40152922012828 ngày 02/8/2022 của bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn, thể hiện: Lê Ngọc Q vào viện lúc 12h50' ngày 24/7/2022, ra viện lúc 14h ngày 02/8/2022, với chẩn đoán: vết thương hở tác động nhiều vùng cơ thể, tổn thương nội sọ không đặc hiệu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 561/2022/TTPY ngày 02/8/2022 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa, kết luận:

- Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh thái D phải; kích thước sẹo trung bình: 02% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 2);
- Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh phải; kích thước sẹo trung bình: 02% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 2);
- Sẹo vết thương phần mềm vùng giữa đỉnh đầu; kích thước sẹo nhỏ: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 1);
- Sẹo vết thương phần mềm vùng cằm phải; kích thước sẹo nhỏ: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 1);
- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng cằm cùng vai phải: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục V);
- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng bả vai phải: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục V);
- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng lưng phải chạy dọc bờ dưới ngoài xương bả vai phải: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục V);
- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng lưng sát cột sống ngực bên phải: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục V);
- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng thắt lưng hông phải: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục V);
- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng thắt lưng sát cột sống bên phải: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục V);

Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: Tổng tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Ngọc Q được tính theo phương pháp xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 11% (Mười một phần trăm).

Tại Bản kết luận pháp y về cơ chế hình thành tương tích và xác định vật gây thương tích số 576/2022/TTPY ngày 04/8/2022 của Trung tâm Pháp y Thanh Hóa, kết luận:

- Vùng đỉnh phải có 03 vết thương rách da nham nhỏ, kích thước (04x01)cm; (03x01)cm; (02x01)cm, sâu sát xương: Do tác động của ngoại lực; được tạo nên bởi vật tày có cạnh. Làm rách da, cơ, mô mềm; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh thái D phải, sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh phải, sẹo vết thương phần mềm vùng giữa đỉnh đầu;
- Vùng cằm phải có vết thương rách da, kích thước (02x0,3)cm, bờ gọn: Do tác động của ngoại lực; được tạo nên bởi vật có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Làm rách da, cơ, mô mềm; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng cằm phải.
- Vùng bả vai có 02 vết sưng nề, bầm tím, kích thước (07x02)cm và (05x02)cm: Do tác động của ngoại lực; được tạo nên bởi vật tày, hoặc vật tày có cạnh. Làm

tổn thương xung huyết và xuất huyết mô mềm; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng mồm cùng vai phải và vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng bả vai phải;

- Vùng lưng phải có 02 vết sưng nề, bầm tím, kích thước (08x02)cm và (04x02)cm: Do tác động của ngoại lực; được tạo nên bởi vật tày, hoặc vật tày có cạnh. Làm tổn thương xung huyết và xuất huyết mô mềm, đã được điều trị; hiện tại còn di chứng vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng lưng phải chạy dọc bờ dưới ngoài xương bả vai phải và vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng lưng sát cột sống ngực bên phải;

- Vùng hông phải có 02 vết sưng nề, bầm tím, kích thước (11x02)cm và (08x03)cm: Do tác động của ngoại lực được tạo nên bởi vật tày, hoặc vật tày có cạnh. Làm tổn thương xung huyết và xuất huyết mô mềm; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng thắt lưng hông phải và vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng thắt lưng sát cột sống bên phải.

- Tại thời điểm giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác tư thế, chiều hướng tác động và lực tác động của vật gây thương tích.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trích xuất một đoạn video liên quan đến hành vi gây thương tích cho anh Q của các đối tượng, có thời lượng từ 12 giờ 45 phút 05 giây ngày 24/7/2022 đến 12 giờ 10 phút 23 giây ngày 24/7/2022 từ đầu thu camera số 3 của gia đình anh Lương Đình Kiều, sinh năm: 1983, là chủ quán karaoke Lương Kiều và lưu đoạn video này vào một thẻ nhớ màu đen, bên trên bề mặt có dán tem và ghi dòng chữ “Micro SD 512 MB”.

Tại Bản kết luận giám định số 3771/KL-KTHS ngày 01/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, thể hiện: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong một tệp video của một thẻ nhớ gửi giám định. Trích xuất chín ảnh từ tệp video gửi giám định – được thể hiện trong Phụ lục.

Bản cáo trạng số 85/CT- VKS, ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T; Nguyễn Trương T; Lê Thế T; Lê Đình C; Lê Đình G; Lương Đình L và Lê Đình D phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Người bị hại là anh Lê Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra anh Q đã được các bị cáo tác động với gia đình bồi thường thiệt hại, anh Q không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Lê Ngọc Q có đơn đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình T; Nguyễn Trương T; Lê Thế T; Lê Đình C; Lê Đình G; Lương Đình L và Lê Đình D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đ khoản 2 Điều 134. Điều 65 ; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51; Ngoài ra các bị cáo đều được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Bị hại có một phần lỗi; Bị cáo T, T, T, Chường, G và L đều đầu thú; Bị cáo Nguyễn Đình T gia đình là hộ cận nghèo, có ông nội là Nguyễn Đình K được tặng bằng khen trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Có bà ngoại là Lê Thị B được tặng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Có ông ngoại là Nguyễn Hữu Th được tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang và huy chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo Nguyễn Trương T có ông ngoại là Lê Như Tự được tặng huy chương hạng ba, có bà ngoại là Lê Thị Đ được tặng huy chương hạng nhì. Bị cáo Lê Thế T có ông ngoại là Cao Bá T được tặng huy chương hạng nhì. Bị cáo D đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và xuất ngũ năm 2011. Vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T; Nguyễn Trương T; Lê Đình T; Lê Đình G mỗi bị cáo từ 30 đến 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đình C và Lương Đình L mỗi bị cáo từ 27 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đình D bị cáo từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xét.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng gồm: 04 (bốn) gậy bi-a chất liệu gỗ; 01 (một) con dao hai lưỡi, một lưỡi sắc, một lưỡi răng cưa, chất liệu kim loại sáng bóng và nhiều mảnh vỡ bằng thủy tinh màu nâu, kích thước khác nhau, dạng vỏ chai bia.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn. Tại lời nói sau cùng trước khi HĐXX vào phòng nghị án, các

bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Khoảng 12 giờ ngày 24/7/2022, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa anh Nguyễn Bá T, ở xã TH, huyện S (là bạn của Lê Ngọc Q) và Nguyễn Đình T, nên Q đã gọi điện thoại facetime hẹn gặp T ở quán karaoke Lương Kiều để giải quyết mâu thuẫn, quá trình nói chuyện, hai bên xích mích, dẫn đến xô xát, đánh nhau. Anh Q bị các bị cáo Nguyễn Đình T; Nguyễn Trương T; Lê Thế T; Lê Đình Chương; Lê Đình G; Lương Đình L và Lê Đình D dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích. Hậu quả anh Q bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 11%.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến an toàn về sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này Nguyễn Đình T là người phát sinh mâu thuẫn với anh Lê Ngọc Q và là người đi đến quán karaoke Lương Kiều để nói chuyện với anh Q. Sau khi bị anh Q dùng tay tát vào mặt của mình, T cũng dùng tay đánh lại Q; Các bị cáo Nguyễn Trương T, Lê Thế T, Lê Đình G, Lương Đình L khi đến nơi, thấy T bị Q đánh nên đã cùng với T dùng gây bi a; Lê Đình C dùng vỏ chai bia để gây thương tích cho Q.

Về việc chuẩn bị hung khí: D là người sở hữu 05 gây bi-a và là người đưa 01 gây bi-a cho T và cho phép T mang gây bi-a nhà mình để đi đánh nhau; T là người mang 05 gây bi-a đi đánh nhau với Q; T là người lấy quần đưa cho T để bỏ 05 gây bi-a vào ống quần và chờ T ôm gây đi đánh nhau, Chương là người chuẩn bị và cầm 03 vỏ chai bia-a (01 vỏ cầm trên tay, 02 vỏ chai bia Chương cất giấu 02 bên trong túi quần đang mặc trên người).

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công vai trò và không có sự cấu kết chặt chẽ, do đó cần phải đánh giá vai trò, mức độ phạm tội đối với từng bị cáo để có biện pháp xử lý, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Nguyễn Đình T, Nguyễn Trương T, Lê Thế T, Lê Đình C, Lê Đình G, Lương Đình L có vai trò là người thực hành tích cực, còn Lê Đình D có vai trò là người giúp sức, cung cấp công cụ để các bị can khác thực hiện hành vi phạm tội.

Vì vậy vai trò của các bị cáo được phân hóa như sau: T là đầu vụ có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại; Các bị cáo T, T và Chương vừa là người chuẩn bị hung khí, vừa là người thực hành tích cực; Bị cáo G và L là người thực hành tích cực; Bị cáo D mặc dù không trực tiếp tham gia đánh nhau nhưng là người có vai trò giúp sức, cung cấp công cụ để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội.

[5]. tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân,:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51; Ngoài ra các bị cáo đều được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Bị hại có một phần lỗi; Bị cáo T, T, T, Chương, G và L đều đầu thú; Bị cáo Nguyễn Đình T gia đình là hộ cận nghèo, có ông nội là Nguyễn Đình Kính được tặng bằng khen trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Có bà ngoại là Lê Thị Bảy được tặng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Có ông ngoại là Nguyễn Hữu Thơm được tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang và huy chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo Nguyễn Trương T có ông ngoại là Lê Như Tự được tặng huy chương hạng ba, có bà ngoại là Lê Thị Độ được tặng huy chương hạng nhì. Bị cáo Lê Thế T có ông ngoại là Cao Bá Tịch được tặng huy chương hạng nhì. Bị cáo D đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và xuất ngũ năm 2011. Vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Các bị cáo T, T, T, Chương, G và L đều có nhân thân tốt.

Đối với bị cáo Lê Đình D ngày 16/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo bản án số 07/2014/HSST. Đã thi hành xong hình phạt và nghĩa vụ dân sự. Đã xóa án tích. Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo được UBND xã Nông Trường xác nhận luôn chấp hành nghiêm chỉnh chính sách pháp luật của Nhà nước, luôn tiên phong, gương mẫu trong các phong trào của địa phương.

[6] Về trách nhiệm hình sự: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo

có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục.

[7] *Về vật chứng*: Tiêu hủy 04 (bốn) gậy bi-a chất liệu gỗ, dán đề can bên ngoài, đã tháo phần đầu gậy, dài 77cm; đường kính phần đuôi gậy 3,1cm; đầu gậy bọc kim loại, phần đầu gậy có 01 đoạn kim loại dài 02cm, đường kính 03mm; 01 (một) con dao hai lưỡi, một lưỡi sắc, một lưỡi răng cưa, chất liệu kim loại sáng bóng, chiều dài 20cm, lưỡi dao dài 10cm, phần rộng nhất lưỡi dao 1,7cm và nhiều mảnh vỡ bằng thủy tinh màu nâu, kích thước khác nhau, dạng vỏ chai bia.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận bồi thường, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xét.

[9] *Về án phí*: Buộc các bị cáo Nguyễn Trương T; Lê Thế T; Lê Đình C; Lê Đình G; Lương Đình L và Lê Đình D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đình T gia đình là hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được miễn tiền án phí, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn Quân đã có hành vi dùng dao gây thương tích cho Nguyễn Đình T. Tuy nhiên, T không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu khởi tố nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình T; Nguyễn Trương T; Lê Thế T; Lê Đình C; Lê Đình G; Lương Đình L và Lê Đình D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

3. Về hình phạt:

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đình T; Nguyễn Trương T; Lê Thế T; Lê Đình C mỗi bị cáo 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách giao Nguyễn Đình T và Nguyễn Trương T cho Ủy ban nhân dân xã T Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục. Giao Lê Thế T cho Ủy ban nhân dân xã T Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục; Giao Lê Đình C cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục.

- Xử phạt các bị cáo Lê Đình G; Lương Đình L mỗi bị cáo 27 (hai bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình D 24 (hai tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48(bốn tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo Lê Đình G; Lương Đình L và Lê Đình D cho Ủy ban nhân dân xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của bộ luật hình sự; Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự. Tiêu hủy 04 (bốn) gậy bi-a chất liệu gỗ, dán đề can bên ngoài, đã tháo phần đầu gậy, dài 77cm; đường kính phần đuôi gậy 3,1cm; đầu gậy bọc kim loại, phần đầu gậy có 01 đoạn kim loại dài 02cm, đường kính 03mm; 01 (một) con dao hai lưỡi, một lưỡi sắc, một lưỡi răng cưa, chất liệu kim loại sáng bóng, chiều dài 20cm, lưỡi dao dài 10cm, phần rộng nhất lưỡi dao 1,7cm và nhiều mảnh vỡ bằng thủy tinh màu nâu, kích thước khác nhau, dạng vỏ chai bia. Các vật chứng này hiện đang quy trữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản bàn giao tang vật ngày 29/11/2022.

6. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tiểu mục 1, mục I danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết 326.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trương T; Lê Thế T; Lê Đình C; Lê Đình G; Lương Đình L và Lê Đình D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đình T.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- THA huyện Triệu Sơn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Thủy